



**ĐIỀU LỆ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LUYỆN
KIM THÁI NGUYÊN**

Bản sửa đổi lần thứ 9 – năm 2022



Dự thảo ngày 05-08-2022

THÁI NGUYÊN, THÁNG 8 - 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ, định nghĩa	4
Điều 2. Tên, loại hình Công ty	6
Điều 3. Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.	6
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
Điều 5. Thời gian hoạt động của Công ty	8
Điều 6. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh.....	8
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Công ty.....	10
Điều 8. Quyền của Công ty	10
Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty	10
Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty	11
CHƯƠNG II	11
VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG	11
A - VỐN	11
Điều 11. Vốn điều lệ.....	11
Điều 12. Vốn vay và các loại vốn khác	12
B - CỔ PHẦN	12
Điều 13. Loại cổ phần.....	12
Điều 14. Chào bán cổ phần.....	12
Điều 15. Chào bán cổ phần riêng lẻ	12
Điều 16. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.....	12
Điều 17. Bán cổ phần	13
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 19. Phát hành và chào bán trái phiếu riêng lẻ.....	13
Điều 20. Mua cổ phần, trái phiếu	14
Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	14
Điều 22. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	15
Điều 23. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	15
Điều 24. Thừa kế, tặng cho cổ phần.....	16
C - CỔ PHIẾU, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	16
Điều 25. Cổ phiếu.....	16
Điều 26. Sổ đăng ký cổ đông.....	17
D - CỔ ĐÔNG	17
Điều 27. Quy định về cổ đông.....	17
Điều 28. Quyền của cổ đông	18
Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông	20
CHƯƠNG III	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
Điều 30. Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty	20
A - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21

Điều 31.	Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 32.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 33.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, Thông báo mời họp và thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 34.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 35.	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 36.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 37.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 38.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 39.	Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 40.	Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
B - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	30
Điều 41.	Hội đồng quản trị.....	30
Điều 42.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 43.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 44.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 45.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 46.	Cuộc họp Hội đồng quản trị	33
Điều 47.	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	35
Điều 48.	Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 49.	Huỷ bỏ quyết định của Hội đồng quản trị	36
Điều 50.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị ..	36
Điều 51.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 52.	Tổng Giám đốc Công ty	37
Điều 53.	Uỷ quyền, uỷ nhiệm của Tổng Giám đốc.....	38
Điều 54.	Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc.....	39
Điều 55.	Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty.....	39
Điều 56.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	39
Điều 57.	Công khai các lợi ích liên quan	40
Điều 58.	Trách nhiệm của người quản lý	41
Điều 59.	Hoạt động, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	41
Điều 60.	Ban kiểm soát	42
Điều 61.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 62.	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	43
Điều 63.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	44
Điều 64.	Chế độ họp của ban kiểm soát	44
Điều 65.	Trưởng ban kiểm soát.....	45

Điều 66.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	46
Điều 67.	Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	46
Điều 68.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	47
Điều 69.	Trình báo cáo hàng năm	47
CHƯƠNG IV	48
THÔNG TIN, LƯU TRỮ TÀI LIỆU,	48
HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN,	48
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC	48
Điều 70.	Công khai thông tin về công ty.....	48
Điều 71.	Hệ thống kế toán.....	48
Điều 72.	Kiểm toán và kiểm tra Công ty.....	48
Điều 73.	Chế độ lưu giữ tài liệu của doanh nghiệp.....	49
Điều 74.	Phân phối và sử dụng lợi nhuận sau thuế	49
Điều 75.	Trả cổ tức	49
Điều 76.	Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ.....	50
Điều 77.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	51
CHƯƠNG V	51
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY	51
Điều 78.	Tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, giải thể, phá sản Công ty	51
Điều 79.	Thanh lý	52
Điều 80.	Sửa đổi Điều lệ	52
Điều 81.	Tuân thủ pháp luật	52
Điều 82.	Đăng ký Điều lệ	52

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LUYỆN KIM THÁI NGUYÊN

Căn cứ pháp luật:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/8/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 Công ty CP Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên phê duyệt Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ sửa đổi Công ty nhận sáp nhập;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/8/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô Thị Núi Voi phê duyệt Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ sửa đổi Công ty nhận sáp nhập;*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, định nghĩa

- 1.1. Trong phạm vi Điều Lệ này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ ngữ dưới đây được hiểu và giải thích như sau:
- a) “**Công Ty**” là Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp được cấp bởi Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền và theo các quy định của Pháp Luật Việt Nam;
 - b) “**Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền**” là bất kỳ cơ quan của Việt Nam thuộc trung ương, cấp tỉnh hay cấp địa phương (bao gồm cả thành phố), hoặc bất kỳ một cơ quan chính phủ, cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị, phòng ban, tòa án hoặc một thể nhân nào có thẩm quyền của Việt Nam;
 - c) “**Điều Lệ**” là bản điều lệ này của Công ty;
 - d) “**Đồng**” hoặc “**VND**” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
 - e) “**Đô La Mỹ**” hoặc “**USD**” là đồng tiền hợp pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ;

- f) **“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp”** là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp bởi Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền về việc thành lập Công Ty;
- g) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty như được nêu tại Điều 31 dưới đây;
- h) **“Người Đại Diện Theo Ủy Quyền”** là người đại diện theo ủy quyền của các Cổ đông tham gia vào Hội đồng cổ đông để thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn của các Cổ đông;
- i) **“Pháp Luật Việt Nam”** là tất cả các Bộ Luật, Luật, Pháp Lệnh, Nghị Định, Thông Tư, Quyết Định và các văn bản dưới luật khác do Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền của Việt Nam ban hành tùy từng thời điểm;
- j) **“Tổng Giám đốc”** là Tổng Giám đốc của Công Ty như được quy định tại Điều 52 dưới đây;
- k) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 cổ phần của Công ty;
- l) **“Vốn Điều Lệ”** là số vốn của Cổ đông góp vào Công Ty để thực hiện hoạt động kinh doanh như được quy định tại Điều 11 dưới đây;
- m) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- n) **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- o) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- p) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- q) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- r) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- s) **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- t) **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

1.2 Diễn giải

- a) Tên của các điều khoản trong Điều Lệ này chỉ để thuận tiện cho việc dẫn chiếu và sẽ không làm ảnh hưởng đến sự diễn giải Điều Lệ này;
- b) Tất cả các từ viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 1.1 nói trên hoặc tại các điều khác mà từ đó được định nghĩa;
- c) Bất kỳ dẫn chiếu nào đến Điều Lệ này sẽ được hiểu là bao gồm các sửa đổi, bổ sung đối với Điều Lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi:
 - (i) Danh từ số ít sẽ bao gồm cả hàm ý số nhiều và ngược lại;
 - (ii) Một cấu trúc ngữ pháp khác của từ ngữ được định nghĩa hoặc miêu tả sẽ có ý nghĩa tương đương;
 - (iii) Một sự dẫn chiếu đến một cá nhân hay tổ chức sẽ bao gồm cá nhân, tổ chức, công ty, hiệp hội, công ty hợp danh, công ty ủy thác, chấp hành viên, quản trị viên hoặc người đại diện theo pháp luật, các cá nhân đại diện hoặc được chỉ định, tùy từng trường hợp và những đại từ sẽ có nghĩa mở rộng tương tự.

Điều 2. Tên, loại hình Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái nguyên.**
- Tên tiếng Anh: **THAI NGUYEN METALLURGICAL ELECTROMECHANICAL JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **MECO**

2. Loại hình công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên là Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.

1. Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ: Tổ 13, Phường Cam Giá, TP. Thái nguyên, tỉnh Thái nguyên.
- Điện thoại: 0208 3832 407.
- Fax: 0208 3833 463.
- Email: cdlk_tn@yahoo.com.vn
- Website: <http://www.cdlk.com.vn>

2. Công ty có các chi nhánh sau đây:

- a) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên – Mỏ đá Núi Voi
Địa chỉ: Tổ 10, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
- b) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên – Xí nghiệp Cơ điện
Địa chỉ: Tổ 13, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Các chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập hoặc giải thể theo nhu cầu của Công ty vào từng thời điểm cụ thể.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

3. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
5. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải cư trú ở Việt Nam, trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;
 - a) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền như nêu tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty;
6. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không có sự ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa

án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty;

7. Các tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định chi tiết tại Điều 52 của Điều lệ này.

Điều 5. Thời gian hoạt động của Công ty

Thời gian hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo khoản 3 Điều 78 của Điều lệ này.

Điều 6. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu của Công ty là:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động trong Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là :

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện khác (Sửa chữa, cải tạo máy biến thế, động cơ điện; Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện đến 110KV)	2790
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây và trạm điện đến 110KV; Xây lò công nghiệp)	4390
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Đá)	0810
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (bê tông, xi măng, tấm lợp, đá xây dựng, đá vôi luyện kim, gạch không nung, than, đất sét)	7120
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
9.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Bột chịu lửa, phụ gia sản xuất gạch chịu lửa)	2391
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Sắt, thép, đồng, nhôm)	4662
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

Điều lệ - Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái nguyên

13.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Phụ gia xi măng)	3290
14.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
15.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
16.	Sản xuất than cốc	1910
17.	Sản xuất sắt, thép, gang, ferrolloy (Sản xuất, luyện, cán, kéo thép)	2410
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Xăng, dầu)	4661
19.	Sản xuất máy luyện kim (Thiết bị luyện kim)	2823
20.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (Thiết bị áp lực)	2829
21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (Thiết bị nâng)	2816
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
24.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tur vản thiết kế sửa chữa, xây lắp thiết bị luyện kim, thiết bị công nghiệp)	7410
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Vật liệu xây dựng, xi măng, tấm lợp, cát, đá, sỏi, vôi)	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Thép phế, phôi thép, than, phê rô luyện kim, ami ăng, vật liệu nổ, giấy vụn, phụ gia xi măng, vật liệu chịu lửa, đá vôi luyện kim, tấm lợp, sản phẩm cơ khí, kết cấu kim loại)	4669
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
30.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
33.	Bốc xếp hàng hóa	5224
34.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh – Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	8699
35.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
36.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn	4312
37.	Xây dựng nhà các loại	4100
38.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

40.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm y tế)	8610
41.	Sản xuất khí công nghiệp	2011
42.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn	4312
43.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
44.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh – cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	8699

Công ty có thể tiến hành những ngành nghề kinh doanh khác trong phạm vi pháp luật không cấm mà Hội đồng quản trị thấy rằng mang lợi ích cho Công ty và cho cổ đông. Khi có nhu cầu, công ty sẽ tiến hành đăng ký bổ sung ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động trên nguyên tắc sau:

1. Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và tuân thủ pháp luật;
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
3. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị để thay mặt cổ đông lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;
4. Đảm bảo có Quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với nhân viên của Công ty, giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật;
5. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp của mình.
6. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. – Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 8. Quyền của Công ty

Công ty có đầy đủ các quyền của một doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có đầy đủ các nghĩa vụ của một doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 của Luật Doanh nghiệp

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Điều lệ của các tổ chức đó nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện thuận lợi về vật chất, phương tiện làm việc và nhân lực cần thiết để các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động đóng góp có hiệu quả vào việc thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

4. Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái nguyên tôn trọng và tạo điều kiện cho các Tổ chức hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

**CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG
A - VỐN**

Điều 11. Vốn điều lệ

1. Mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành bản điều lệ này là: 152.000.000.000đ (*Một trăm năm mươi hai tỷ đồng chẵn*). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 15.200.000 (*Mười lăm triệu hai trăm nghìn*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (*mười nghìn đồng*)/1cổ phần.

2. Cơ cấu vốn điều lệ phân theo sở hữu

2.1 Vốn của ông Nguyễn Trường Nguyên sở hữu: 9.789.490 cổ phần tương đương 97.894.900.000 đồng chiếm 64,40% vốn Điều lệ;

2.2 Vốn của ông Trương Đình Việt sở hữu: 3.833.870 cổ phần tương đương 38.338.700.000 đồng chiếm 25,22% vốn Điều lệ;

2.3 Vốn thuộc sở hữu của 61 cổ đông cá nhân khác: 1.576.640 cổ phần tương đương 15.766.400.000 đồng chiếm 10,38% vốn Điều lệ.

2.4 Danh sách cổ đông gồm có thông tin về: Họ, Tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số cổ phần sở hữu, loại cổ phần, mệnh giá từng loại cổ phần của cổ đông sẽ được đính kèm theo Điều lệ này.

3. Tăng giảm vốn điều lệ

Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ cho phù hợp theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, với điều kiện thực tế của doanh nghiệp tuân thủ Khoản 5 Điều 112- Luật Doanh nghiệp.

4. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích sau

Cho yêu cầu quản lý doanh nghiệp, Vốn điều lệ được cụ thể hóa trong các phương án sử dụng vốn, phương án tăng/giảm vốn là vốn cố định, vốn lưu động và vốn cho hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Trong đó :

- a) Vốn cố định cho nhu cầu mua sắm, đầu tư tài sản cố định, máy móc trang thiết bị để duy trì và mở rộng quy mô hoạt động;
- b) Vốn lưu động cho nhu cầu kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- c) Vốn đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế;

Điều 12. Vốn vay và các loại vốn khác

Công ty thực hiện vay vốn tín dụng và huy động các loại vốn khác để đảm bảo nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

B - CỔ PHẦN

Điều 13. Loại cổ phần

1. Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Khi công ty có nhu cầu phát hành các loại cổ phần khác sẽ tuân thủ quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều lệ.

2. Chào bán cổ phần thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 15. Chào bán cổ phần riêng lẻ

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu, trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 17. Bán cổ phần

Việc bán cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần cho các cổ phần được chào bán. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

- a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
- d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần

Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định tại điều 127 luật Doanh nghiệp.

Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 19. Phát hành và chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu và chào bán trái phiếu theo quy định tại các Điều 128, 129, 130 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định sau đây:
 - a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải

báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 20. Mua cổ phần, trái phiếu

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng Đồng Việt Nam và phải được thanh toán đủ một lần. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo không được thực hiện.

2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (các khoản tiền có liên quan) và lãi phát sinh theo tỷ lệ (1,5 lần lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng Nhà nước) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông thực hiện theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp

1. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi:

- a) Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty;
- b) Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

2. Thủ tục yêu cầu Công ty mua lại cổ phần.

a) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại;

b) Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn (10) mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu tại khoản 1 điều này.

3. Nghĩa vụ của Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần.

a) Trong thời hạn (90) chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại điều này, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này hoặc giá được xác định theo thoả thuận giữa cổ đông đó và Hội đồng quản trị;

b) Trường hợp không thoả thuận được về giá, các bên có quyền yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá, Công ty phải giới thiệu ít nhất (03) ba tổ chức định giá

chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí bên nào yêu cầu bên đó chịu.

Điều 22. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Việc mua lại cổ phần của Công ty thực hiện theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên:

- Tên, trụ sở công ty;
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại;
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
- Thời hạn và thủ tục thanh toán;
- đ) Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho công ty.

Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 23. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo Điều 134 Luật doanh nghiệp.

Điều 24. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế, tặng cho cổ phần và việc thừa kế, tặng cho cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp theo từng thời điểm.

2. Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của cổ đông đã qua đời.

a) Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật;

b) Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của cổ đông đã qua đời thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này, Công ty không phải giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế, tặng cho theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

C - CỔ PHIẾU, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 25. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Cổ phiếu của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

Cổ phiếu của cổ phần phổ thông có thể là cổ phiếu ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu là do Công ty phát hành, cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Mã số doanh nghiệp;

c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

đ) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

h) Nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền lợi và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 26. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức ;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

D - CỔ ĐÔNG

Điều 27. Quy định về cổ đông

1. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba (03) và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

3. Cổ đông phải tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

6. Cung cấp địa chỉ liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Tự chịu trách nhiệm khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 28. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông của công ty có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Được tự do chuyên nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi đã thanh toán xong hết các khoản công nợ, nghĩa vụ với NSNN, cho chủ nợ, người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan;

h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với điều kiện như sau:

a) Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu nắm giữ từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử 02 thành viên và từ 50% đến dưới 70% trở lên thì được đề cử 03 thành viên; từ 70% trở lên thì được đề cử 04 thành viên bầu vào Hội đồng quản trị;

b) Nếu số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ 10% đến dưới 40% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Ban Kiểm soát; Nếu từ 40% đến

70% thì được đề cử 02 thành viên; Nếu từ 70% trở nên thì được đề cử 03 thành viên để bầu vào Ban kiểm soát;

6. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp được quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

8. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 30. Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc.

A - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 32. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của công ty;
- + Báo cáo tài chính hằng năm;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp trong các trường hợp:

- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- + Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này;
- + Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày từ ngày xảy ra trường hợp theo quy định tại Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- + Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- + Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- + Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- + Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- + Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- + Xác định thời gian và địa điểm họp;
- + Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- + Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, Thông báo mời họp và thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc.

- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

- Thông báo được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.

- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

+ Phiếu biểu quyết.

+ Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

- Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định trên có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

3. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

+ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

+ Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

+ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

+ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành và theo quy định của pháp luật về dân sự, phải

nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký các cổ đông có quyền dự họp đáp ứng theo khoản 1 Điều 34 của Điều lệ này. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký, ban kiểm tra tư cách cổ đông và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Hội đồng quản trị chỉ định một hoặc một số người vào ban kiểm tra tư cách để thực hiện việc kiểm tra các cổ đông có quyền dự họp đáp ứng theo khoản 1 Điều 34 Điều lệ này trước khi tiến hành Đại hội;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị

còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Ngoài các trường hợp trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

d) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

đ) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Hoặc bằng cách giơ phiếu biểu quyết từng vấn đề biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu lập biên bản, báo cáo Chủ tọa và được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp Chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức **biểu quyết** tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Thông qua định hướng phát triển Công ty; Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn.
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- h) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát;
- i) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Mức chia cổ tức;
- n) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên** của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3,4, và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- đ) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty được kiểm toán.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số

phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 36 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Biên bản kiểm phiếu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty thay thế cho việc thông báo đến cổ đông

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ bằng hình thức điện tử khác.. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ: phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc được đăng công khai trên trang tin điện tử của Công ty. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 40. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của pháp luật hay của Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định của Tòa án, Trọng tài hủy bỏ nghị quyết đó có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

B - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 41. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có các chuyên viên tư vấn và thư ký do Hội đồng quản trị chọn trong Công ty hoặc thuê ngoài, tổng số không quá hai người.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Điều 44. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu 1 thành viên của HĐQT làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- e) Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 45. Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, thay mặt Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ được uỷ quyền và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị những việc mình thực hiện;
- b) Các thành viên khác có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;
- c) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các chi nhánh trong Công ty;
- d) Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Công ty đã ghi trong Điều lệ này. Giữ bảo mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Công ty;
- đ) Được chỉ định thành viên khác trong Hội đồng quản trị hay người được Hội đồng quản trị chấp thuận thay thế mình tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị và những trường hợp cần thiết. Việc chỉ định người thay thế phải được lập thành văn bản có chữ ký của người chỉ định và được gửi tới trụ sở chính của Công ty trước khi cuộc họp Hội đồng quản trị khai mạc;
- e) Tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
- g) Thực hiện những quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;
- h) Không được vượt quá quyền hạn của Công ty hay Hội đồng quản trị theo Điều lệ quy định. Quyết định hay hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Công ty, không được chiếm dụng cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty;
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác của Thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 46. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp nhiệm kỳ lần đầu của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 47. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được biên bản, có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp; c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4.. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 48. Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Quyết định được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp.

Trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận.

Nếu số phiếu đối lập ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp.

2. Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận. Nếu ý kiến đối lập ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị .

3. Quyết định được thông qua trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác. Trường hợp thông qua quyết định trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi lại bằng những bằng chứng xác thực.

4. Ban hành quyết định của Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản hoặc những bằng chứng xác thực khác, Hội đồng quản trị phải ban hành nghị quyết, quyết định bằng văn bản về những vấn đề đã được thông qua.

Điều 49. Huỷ bỏ quyết định của Hội đồng quản trị

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án xem xét và tuyên bố huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hay của Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin phải ghi rõ: Họ tên, địa chỉ, CMND chức vụ, số cổ phần sở hữu, nội dung yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc Điều 45 của Điều lệ này:

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 52. Tổng Giám đốc Công ty

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám đốc thì: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

1.1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

1.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn (bằng đại học), kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý.

Tổng giám đốc Công ty có thể được đồng thời giữ các chức vụ kiểm soát, điều hành tại Công ty khác. (Trong quá trình điều hành ở công ty khác không được ký kết các hợp đồng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty)

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- đ) Được ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- e) Quyết định lương và lợi ích khác (nếu có) đối với người lao động đang làm việc trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- g) Tuyển dụng lao động; xây dựng định mức trình HDQT phê duyệt;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế, mua bán thiết bị, vật tư hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm ký hợp đồng. Trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay; Nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm ký hợp đồng sau khi được Hội đồng quản trị đồng ý.
- k) Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc (phó giám đốc) các chi nhánh, Kế toán trưởng, Trưởng (phó) phòng Công ty.
- l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Trách nhiệm khác của Tổng Giám đốc

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.
- b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
- d) Là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

Điều 53. Ủy quyền, uỷ nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty tuân theo các quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
2. Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho Phó Tổng Giám đốc Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình; Trường hợp Phó Tổng Giám đốc vắng mặt thì Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền cho các thành viên khác trong bộ máy giúp việc được quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

3. Người được Tổng Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được uỷ quyền, uỷ nhiệm. Những người này phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những việc mình làm và không được uỷ quyền lại nội dung uỷ quyền, uỷ nhiệm cho người khác trong thời gian nhận uỷ quyền.

4. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, có thời hạn nhất định.

Điều 54. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

Giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm có: Phó Tổng giám đốc, các Trưởng phòng, ban, Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty, có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, tận tâm vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty.

2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật Công ty.

3. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với Công ty do những hành vi vi phạm của mình hoặc do không hoàn thành nhiệm vụ dẫn đến thiệt hại.

Điều 55. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị. Công ty sẽ có cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, số lượng, loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các hoạt động trong từng thời kỳ.

Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty bao gồm:

1. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
2. Các phòng, ban chức năng;
3. Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

Điều 56. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong

báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị là đại diện tổ chức được trả về cơ quan chủ quản mà thành viên đó làm đại diện.

Điều 57. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc của công ty;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không

được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 58. Trách nhiệm của người quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 59. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp/khoản 2 Điều 57 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười năm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác theo quy định tại Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông sở hữu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án, Trọng tài và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều này. người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 60. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số các kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 61. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Không được giữ các chức vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong Công ty; Có thể không là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

5. Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả công tác của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. Kiểm tra, xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 63. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; trong giờ làm việc, có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 64. Chế độ họp của ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

2. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;

c) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;

d) Tổng Giám đốc hoặc những người khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của ban kiểm soát quy định.

3. Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát và bầu một thành viên khác của Ban kiểm soát làm trưởng ban.

4. Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát: thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

5. Số Kiểm soát viên tham dự yêu cầu: cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp Kiểm soát viên

vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách Kiểm soát viên.

6. Biểu quyết:

a) Mỗi Kiểm soát viên tham dự họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b) Kiểm soát viên có liên quan đến vấn đề được đưa ra, Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận uỷ quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c) Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của Kiểm soát viên và những nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Kiểm soát viên có liên quan đó chưa được biết rõ;

d) Bất kỳ Kiểm soát viên nào có liên quan đến một hợp đồng theo Điều 61 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

7. Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các Kiểm soát viên, bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua fax.

a) Thông qua quyết định của Ban kiểm soát tại cuộc họp: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có từ 2/3 tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành trở lên;

b) Thông qua quyết định của ban kiểm soát bằng hỏi ý kiến;

- Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- Số lượng Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát, Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của mỗi Kiểm soát viên.

Điều 65. Trưởng ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 60 của Điều lệ này. Trưởng ban kiểm soát là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Lập chương trình, lập kế hoạch hoạt động và phân công công việc cho các Kiểm soát viên.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát.

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Có thể được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác, nếu mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một Kiểm soát viên thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

Điều 66. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 67. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 68. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 61 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 69. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

CHƯƠNG IV
THÔNG TIN, LƯU TRỮ TÀI LIỆU,
HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN,
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 70. Công khai thông tin về công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Điều 71. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) .

2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Công ty phải lập sổ sách kế toán theo đúng quy định của luật kế toán và các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.

4. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

5. Công ty thực hiện chế độ báo cáo thống kê kế toán theo quy định chung của Nhà nước.

6. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ bảo quản, lưu giữ hồ sơ kế toán hiện hành.

Điều 72. Kiểm toán và kiểm tra Công ty

1. Kiểm toán.

a) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Công ty kiểm toán độc lập đã được chọn để tiến hành

các hoạt động kiểm toán theo những điều khoản, điều kiện thoả thuận giữa Công ty kiểm toán đó và Hội đồng quản trị;

b) Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm tra, xác định hồ sơ, số liệu thực tế, trên cơ sở báo cáo tài chính năm của công ty với thời hạn theo quy định của Bộ Tài chính, Chính phủ, báo cáo Hội đồng quản trị.

2. Quyền thẩm tra cuối cùng.

Công ty chịu sự thẩm tra cuối cùng trước pháp luật. Sự thẩm tra này bao gồm việc thẩm tra các báo cáo và quyết toán tài chính hàng năm, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty. Việc thẩm tra này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 73. Chế độ lưu giữ tài liệu của doanh nghiệp

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

- a) Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
- b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- d) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
- đ) Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;
- e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
- g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 74. Phân phối và sử dụng lợi nhuận sau thuế

Tổng lợi nhuận trong năm của Công ty, sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước trừ đi các khoản giảm trừ theo quy định là lợi nhuận sau thuế thuộc sở hữu của Công ty. Việc phân phối, sử dụng lợi nhuận được thực hiện theo nguyên tắc và trình tự sau:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận;
2. Hội đồng quản trị ban hành quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế;
3. Tổng Giám đốc thực hiện sử dụng các quỹ theo quy chế của Hội đồng quản trị.

Điều 75. Trả cổ tức

1. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ công ty, được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có

thẻ được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần nhận cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả.

Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ: (i) tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính; (ii) họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; (iii) số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; (iv) thời điểm, địa điểm và phương thức trả cổ tức.

3. Công ty sẽ không trả lãi phát sinh từ cổ tức hoặc bất cứ khoản tiền thêm nào cho cổ đông trong khoảng thời gian từ lúc ra thông báo yêu cầu cổ đông đến nhận cổ tức cho đến lúc cổ đông nhận cổ tức.

4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

5. Sau khi lập báo cáo tài chính năm mới có được kết quả lợi nhuận của năm đó. Do vậy cổ tức sẽ được trả một lần vào đầu năm sau, sau khi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

7. Việc thanh toán trả cổ tức trái với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty thì tất cả các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận, trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 76. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp kinh doanh Công ty bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải pháp kịp thời bằng các biện pháp sau:

1. Trích quỹ dự trữ, thặng dư vốn cổ phần để bù lỗ (nếu có);
2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau.
3. Chuyển lỗ theo quy định của Luật thuế và các văn bản hướng dẫn của Bộ tài chính.
4. Chào bán cổ phần để Tăng vốn điều lệ.

Điều 77. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện Công ty trước pháp luật trong mọi giai đoạn giải quyết tranh chấp.
2. Mọi cổ đông của Công ty có quyền khiếu nại trực tiếp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của mình và quyền lợi của Công ty.
3. Mọi khiếu nại liên quan tới cổ phần của Công ty đều do Hội đồng quản trị giải quyết. Nếu Hội đồng quản trị hoà giải không thành thì người có quyền lợi yêu cầu Ban kiểm soát giải quyết. Nếu Ban kiểm soát hoà giải không thành thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật can thiệp.

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY**

Điều 78. Tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, giải thể, phá sản Công ty

1. Tổ chức lại Công ty.

Trong trường hợp có biến động hoặc theo nhu cầu và tình hình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể thực hiện việc cơ cấu tổ chức lại theo các hình thức: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập chuyển đổi loại hình của Công ty phải thực hiện đúng các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Việc tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Chi nhánh của Công ty đã chấm dứt hoạt động thì Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

3. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.

4. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty khi rơi vào trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty.

5. Việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 79. Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị lập hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng thành viên Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong thời gian thanh lý, các thành viên Hội đồng thanh lý và thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

3. Nguồn tài chính của Công ty sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý và thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật còn lại sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp của họ.

Điều 80. Sửa đổi Điều lệ

Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong Điều lệ này được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 82. Đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 5 chương và 82 Điều, được Đại hội đồng cổ đông của các bên trong quan hệ sáp nhập thông qua, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cơ điện luyện kim Thái nguyên nhất trí thông qua ngàytháng năm

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Núi Vôi nhất trí thông qua ngàytháng năm

2. Bản Điều lệ này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông của các bên trong quan hệ sáp nhập nêu trên nhất trí thông qua.

3. Bản Điều lệ này được đăng ký với cơ quan quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LUYỆN KIM THÁI NGUYÊN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký, đóng dấu công ty và dấu chức danh của ĐDTPL)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÁC BÊN
TRONG QUAN HỆ SÁP NHẬP

BÊN NHẬN SÁP NHẬP
CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN LUYỆN KIM
THÁI NGUYÊN

BÊN BỊ SÁP NHẬP
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN ĐÔ THỊ NÚI VOI

(ký, đóng dấu công ty và dấu chức danh của ĐDTPL)

(ký, đóng dấu công ty và dấu chức danh của ĐDTPL)